

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 9 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 628/QĐ-ĐHDL ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

1. Thông tin tổng quát

1.1. Ngành đào tạo: **LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

1.2. Mã ngành: 7380104

1.3. Trình độ đào tạo: Cử nhân

1.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

1.5. Phương thức đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ

1.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

1.7. Khối lượng kiến thức: 131 tín chỉ

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo hướng đến đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng về ngành luật nói chung và ngành luật hình sự và tố tụng hình sự nói chung, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, có khả năng sáng tạo và tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân. Đặc biệt, sau khi hoàn thành chương trình, người học có thể làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức khác và tự hành nghề hoặc học ở bậc cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

• **M01:** Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, có kỹ năng thực hành nghề luật, có khả năng nghiên cứu, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và trách nhiệm công dân; sống và làm việc theo pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

• **M02:** Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, tâm lý học, pháp luật, văn hóa, các dân tộc ở Việt Nam, thống kê xã hội làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn luật



• **M03:** Có kỹ năng giao tiếp ở các dạng khác nhau như đối thoại, lắng nghe, viết, trình bày; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; có kỹ năng sử dụng máy tính và kỹ năng làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu và tự đào tạo bản thân.

• **M04:** Có kiến thức về pháp luật nói chung và kiến thức chuyên sâu về Luật hình sự và tố tụng hình sự, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có kỹ năng nghiên cứu và giải quyết những vụ án hình sự mang tính lý luận cũng như thực tiễn, đồng thời nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của người học.

• **M05:** Thể hiện tính cầu thị, kiên trì, linh hoạt trong học tập và nghiên cứu, có khả năng hoạt động nhóm, giao tiếp lịch sự và luôn có ý thức tôn trọng người khác. Luôn thể hiện là người có sự hiểu biết pháp luật để tuyên truyền vận động, các cơ quan, tổ chức chấp hành pháp luật. Đảm bảo sinh viên lựa chọn đầy đủ kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên ngành cũng như kiến thức tự chọn.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học, người học tốt nghiệp chương trình cử nhân luật Hình sự và Tố tụng hình sự của Trường Đại học Đà Lạt sẽ đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu theo các quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “*Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ*” như sau:

Bảng đối sánh chuẩn đầu ra chương trình với mục tiêu đào tạo

Chuẩn đầu ra, mô tả		Mục tiêu đào tạo				
		1	2	3	4	5
Kiến thức						
Giáo dục đại cương						
C01	Có kiến thức nền tảng về chính trị, xã hội, quốc phòng an ninh, trách nhiệm công dân và vận dụng một cách đúng đắn tư tưởng, đường lối phát triển của đất nước	x				x
C02	Hiểu và ứng dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật nói chung và vận dụng được trong đời sống và thực hành nghề nghiệp	x	x	x		x
Giáo dục chuyên nghiệp						
C03	Có kiến thức cơ bản về những ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật của thế giới		x	x	x	
C04	Có kiến thức chuyên môn sâu pháp luật hình sự và Tố tụng hình sự, có khả năng tham gia nghiên cứu xây dựng và áp dụng kiến thức pháp luật hình sự vào thực tiễn			x		
Kỹ năng						
C05	Có kỹ năng tổ chức và triển khai các công việc liên quan đến nghiên cứu, xây dựng hệ thống pháp luật	x	x	x	x	x
C06	Có kỹ năng tổ chức, quản lý, xây dựng, triển khai và vận	x	x	x	x	x

	hành các quy trình giải quyết một vụ án hình sự					
C07	Có kỹ năng tìm kiếm, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin và vận dụng kiến thức khoa học để đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự và tố tụng hình sự	x	x	x	x	x
C08	Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức quản lý và điều hành công việc, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong công việc và đời sống	x	x	x	x	x
C09	Có trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực 6 bậc hoặc tương đương (TOEFL iBT 45+ điểm, IELTS 4.5+ điểm, TOEIC 450+ điểm,) và có thể sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong đọc hiểu, viết, trao đổi chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật nói chung và hình sự nói riêng			x	x	x
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm						
C10	Có năng lực tự chủ thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật, tổ chức nhóm nghiên cứu các vấn đề mới	x	x	x	x	x
C11	Có khả năng tham gia xây dựng kế hoạch, lập dự án, thực hiện các dự án khoa học pháp lý; tham gia điều hành và quản lý quy trình xây dựng và thực hiện pháp luật	x	x	x	x	x
C12	Có nhận thức về sự cần thiết và khả năng học tập suốt đời	x	x	x	x	x
C13	Có trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp	x	x	x	x	x

3. Chuẩn đầu ra mô tả theo khung CDIO cấp độ 3

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự được phân thành 4 nhóm bao gồm:

- Kiến thức và lập luận ngành.
- Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp.
- Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.
- Năng lực nhận thức và thực hành nghề nghiệp.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra ứng với 4 nhóm trên như sau:

1 Kiến thức và lập luận ngành		Mục tiêu đào tạo				
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	1	2	3	4	5
1.1.1	Hiểu biết về Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức của cá nhân, đồng thời đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.	x				x

	1.1.2	Hiểu và áp dụng các kiến thức về an ninh, quốc phòng và thể chất để biết cách rèn luyện sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ đất nước.	x	x	x		x
	1.1.3	Với những nội dung liên quan đến Luật Hình sự (Tort Law, Criminal Law), học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên ngành pháp lý ở mức độ trung cấp (Intermediate). Ngoài những kiến thức về thuật ngữ tiếng Anh pháp lý chuyên ngành Hình sự, sinh viên còn có kỹ năng tìm hiểu, so sánh những định chế pháp luật Hình sự cơ bản trong pháp luật của một số quốc gia điển hình		x	x	x	
	1.1.4	Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint, Gmail, ... đáp ứng các yêu cầu về giao tiếp điện tử và đa phương tiện, các yêu cầu về soạn thảo văn bản hành chính và học thuật, các yêu cầu về trình bày bằng phương tiện trình chiếu và thực hiện các tính toán cơ bản.			x		
	1.1.5	Nắm vững các kiến thức cơ bản về pháp luật nói chung, đồng thời hiểu biết kiến thức pháp luật chuyên sâu về hình sự và biết cách áp dụng chúng vào việc giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn				x	
	1.1.6	Hiểu biết căn bản về một số ngành luật như luật cơ bản như Hiến pháp, những quy định chung về kiến thức nhà nước và vấn đề pháp luật nhằm hỗ trợ cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn về pháp luật hình sự				x	
	1.1.7	Có hiểu biết về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam và thế giới; những vấn đề lý luận khái quát về nhà nước và pháp luật, Hiến pháp, các cơ quan trong bộ máy nhà nước; có khả năng phân tích các quy định pháp luật về những vấn đề này				x	
	1.1.8	Có kỹ năng nghiên cứu độc lập trên cơ sở hiểu biết về phương pháp nghiên cứu khoa học				x	
	1.1.9	Có biểu biết về những vấn đề cơ bản về logic học đại cương trên cơ sở đó hình thành tư duy logic khi nghiên cứu các hệ thống pháp luật	x	x	x	x	x
	1.1.10	Có khả năng phân tích điều tra xã hội học trên cơ sở đó sinh viên hiểu và nắm rõ được quy luật về vận động phát sinh của hành vi phạm tội	x	x	x	x	x
	1.1.11	Nắm được những vấn đề cơ bản về quyền con người, quy định pháp luật về bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền con người trong tư pháp hình sự	x	x	x	x	x
	1.1.12	Có hiểu biết cơ bản về quy trình xây dựng pháp luật, nghiên cứu về trình tự thủ tục xây dựng hệ thống	x	x	x	x	x

		pháp luật của Việt Nam, đặc biệt là của cơ quan Quốc hội						
	1.1.13	Hiểu được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và các kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học; nắm được các yêu cầu, các thao tác để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học. Hình thành thói quen và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao chất lượng của việc học đại học, khơi nguồn đam mê nghiên cứu	x	x	x	x	x	
	1.1.14	Có kiến thức và kỹ năng trong các vấn đề về xã hội học pháp luật	x	x	x	x	x	
	1.1.15	Có những kiến thức cơ bản, nền tảng cho việc nghiên cứu pháp luật.	x	x	x	x	x	
	1.2	Kiến thức cơ sở ngành						
	1.2.1	Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật hành chính để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh					x	
	1.2.2	Hiểu phân tích, đánh giá và tổng hợp những kiến thức cơ bản về pháp luật dân sự, hiểu được những quy định cơ bản về một số chế định về dân sự					x	
	1.2.3	Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật tài chính - ngân hàng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh					x	
	1.2.4	Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật đất đai, môi trường để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trên cơ sở hiểu biết các vấn đề về đất đai, môi trường hiện nay trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cũng như ảnh hưởng của các hoạt động của con người lên đất đai, môi trường và ngược lại					x	
	1.2.5	Có sự hiểu biết về tình hình tội phạm, đánh giá rõ được những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế tình hình tội phạm phát sinh					x	
	1.2.6	Nắm được thực tiễn áp dụng pháp luật tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp để phân tích, đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật và phục vụ nghề nghiệp					x	
	1.2.7	Hiểu biết, đánh giá phân tích các kiến thức về tư pháp quốc tế, trên cơ sở đó vận dụng để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh					x	
	1.2.8	Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về công pháp quốc tế để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh					x	
	1.2.9	Hiểu biết, phân tích, đánh giá những vấn đề cơ bản về pháp luật hôn nhân và gia đình, vận dụng quy định					x	

			của pháp luật hôn nhân và gia đình giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh					
		1.2.10	Hiểu biết, đánh giá, phân tích và tổng hợp những kiến thức về luật lao động, trên cơ sở đó vận dụng vào giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh					x
		1.2.11	Hiểu biết các vấn đề quan trọng và cốt lõi của hệ thống án lệ ở các nước cũng như ở Việt Nam					x
		1.2.12	Hiểu biết, phân tích các quy định của pháp luật về xử lý đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật, đặc biệt là vi phạm pháp luật hình sự. Nắm được những nội dung cơ bản quy định của Bộ luật hình sự đối với việc xử lý người chưa thành niên phạm tội, đồng thời vấn đề bảo vệ người chưa thành niên là đối tượng bị xâm hại					x
		1.2.13	Nắm bắt được các hiện tượng, các đặc điểm và các quy luật tâm lý biểu hiện trong quá trình thực hiện tội phạm, trong điều tra, truy tố xét xử và thi hành án để sử dụng trong hoạt động tư pháp					x
		1.2.14	Hiểu biết, đánh giá phân tích tâm lý của người thực hiện hành vi trước và sau khi phạm tội như thế nào để từ đó có cách nhìn nhận đánh giá đúng nguyên nhân và tâm lý của người phạm tội					x
		1.2.15	Có kiến thức cơ bản về trình tự thủ tục thi hành án hình sự, thẩm quyền và cách thức thi hành án, cũng như địa vị pháp lý của các chủ thể có liên quan					x
		1.2.16	Nắm được những kiến thức cơ bản về định tội danh và quyết định hình phạt					x
		1.2.17	Nắm được các quy luật phản ánh cấu trúc của vụ phạm tội; các quy luật hình thành thông tin về vụ phạm tội và thủ phạm; các quy luật thu thập, nghiên cứu, đánh giá, sử dụng chứng cứ và các phương tiện, biện pháp, phương pháp điều tra, phòng ngừa tội phạm được xây dựng trên cơ sở nhận thức các quy luật đó					x
		1.2.18	Hiểu biết được những đặc điểm cơ bản, tác hại của hành vi tham nhũng; những biện pháp phòng chống tham nhũng và các quy định của pháp về xử lý đối với hành vi tham nhũng cũng như trách nhiệm của các chủ thể trong quá trình đấu tranh phòng chống tham nhũng.					x
		1.2.19	Nắm bắt kiến thức về luật hình sự Việt Nam và luật hình sự của một số pháp luật hình sự điển hình trên thế giới, hiểu biết các điều kiện cho cư trú chính trị và dẫn độ các tội phạm, sự phối hợp giữa các gia trên thế					x

			giới trong việc phòng ngừa và trấn áp các loại tội phạm hình sự quốc tế					
		1.2.20	Hiểu biết, đánh giá được thể nào là tội phạm có tổ chức, có đánh giá so sánh với quy định của luật hình sự quốc tế với quy định của Luật hình sự Việt Nam				X	
		1.2.21	Hiểu biết được trình tự thủ tục giải quyết một vụ án dân sự, hành chính trên cơ sở đó có khả năng phân tích, đánh giá tổng hợp để giải quyết tình huống phát sinh trong thực tế				X	
		1.3	Kiến thức ngành					
			Phần kiến thức bắt buộc					
		1.3.1	Nắm được thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi; thủ tục áp dụng biện pháp chữa bệnh; thủ tục rút gọn; thủ tục tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân; khiếu nại tố cáo trong tố tụng hình sự; xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng hình sự; bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác				X	
		1.3.2	Nắm được các khái niệm cơ bản, chức năng nhiệm vụ, các nguyên tắc của tố tụng hình sự; chủ thể trong quan hệ tố tụng hình sự; chứng cứ; các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình VN				X	
		1.3.3	Nắm được các thủ tục giải quyết vụ án hình sự gồm thủ tục khởi tố; điều tra; truy tố; xét xử và thi hành án hình sự.				X	
		1.3.4	Nắm được những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của Luật hình sự, các yếu tố cấu thành tội phạm, từ đó giải quyết tình huống thực tế phát sinh của tội phạm				X	
		1.3.5	Hiểu được những vấn đề cơ bản của trách nhiệm pháp lý nói chung, trách nhiệm hình sự nói riêng. Trên cơ sở đó là hiểu biết hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự Việt Nam, nội dung và hình thức của từng loại hình phạt, cũng như các chế định khác liên quan đến từng loại hình phạt				X	
		1.3.6	Hiểu biết, phân tích đánh giá từng loại tội phạm cụ thể theo quy định của Bộ luật hình sự. trên cơ sở đó giải quyết từng loại tội phạm trên góc độ lý luận cũng như thực tiễn				X	
		1.3.7	Nắm được thực tiễn áp dụng pháp luật tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp để phân tích, đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật và phục vụ nghề nghiệp				X	
			Phần kiến thức tự chọn					
		1.3.8	Nắm được khoa học luật hình sự, Hiểu được mối quan hệ giữa khoa học luật hình sự với ngành khoa				X	

		học pháp lý có liên quan. Thông qua đó nắm được những vấn đề lý luận về định tội danh và hình phạt, đồng thời giải quyết những vụ việc thực tế phát sinh giữa khoa học pháp lý nói chung và khoa học luật hình sự nói riêng					
	1.3.9	Có kỹ năng của một thư ký tòa án, hiểu biết được những nhiệm vụ quyền hạn của thư ký tòa án. Trên cơ sở đó có thể có những hoạt động thực tiễn nhằm nâng cao trình độ thực hành của sinh viên trước khi ra trường				X	
	1.3.10	Có kỹ năng hoạt động hành nghề luật sư, hiểu biết tầm quan trọng của nghề luật sư, cũng như nắm được những kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật				X	
	1.3.11	Nắm được nguyên tắc tổ chức Điều tra hình sự; tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Điều tra; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Điều tra viên và các chức danh khác trong Điều tra hình sự; quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát trong hoạt động Điều tra hình sự; bảo đảm Điều kiện cho hoạt động Điều tra hình sự và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan				X	
	1.3.12	Nắm bắt kiến thức về chức năng nhiệm vụ của TAND, VKSND. Chứng năng xét xử của TAND, chức năng kiểm soát hoạt động tư pháp của VKSND				X	
	1.3.13	Có kiến thức trong đấu tranh phòng, chống một số tội phạm cụ thể như nhóm tội phạm về tham nhũng, tội phạm về ma túy.				X	
	1.3.14	Nắm rõ kiến thức về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong hệ thống tư pháp nước ngoài nói chung và của một số quốc gia đại diện. Trên cơ sở đó, sinh viên có tri thức tổng thể, có sự so sánh, liên hệ với hệ thống cơ quan tư pháp Việt Nam về chức năng của từng cơ quan tư pháp và mối liên hệ giữa chúng trong hệ thống cơ quan tư pháp.				X	
	1.3.15	Có kiến thức và kỹ năng trong việc làm thế nào để thực hiện việc tranh tụng trong vụ án hình sự.				X	
	1.3.16	Có kiến thức và kỹ năng trong việc làm thế nào để thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự				X	
	1.3.17	Có kỹ năng để viết và hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp hoặc một chuyên đề tốt nghiệp trên cơ sở đã nghiên cứu những môn học chuyên ngành cùng như kỹ năng trong toàn bộ quá trình học tập và nghiên cứu trình độ cử nhân luật				X	
	1.4	Kiến thức bổ trợ					X
	Phần kiến thức tự chọn						

	1.4.1	Có hiểu biết, phân tích, tổng hợp, đánh giá và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo				X	
	1.4.2	Có kiến thức cơ bản về trình tự thủ tục thi hành án hành án dân sự, thẩm quyền và cách thức thi hành án, cũng như địa vị pháp lý của các chủ thể có liên quan				X	
	1.4.3	Có hiểu biết các quy định của nhà nước về vấn đề quản lý nhà nước về lâm nghiệp, đặc biệt cần phải nắm rõ được hành vi vi phạm về vấn đề quản lý bảo vệ và phát triển rừng				X	
	1.4.4	Nắm bắt được kiến thức về soạn thảo ban hành văn bản, quản lý văn bản và tài liệu khác trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức lập hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan, quản lý v				X	
	1.4.5	Có kiến thức cơ bản về những quy định của pháp luật và luật tục, sự vận dụng của luật tục trong đời sống, sự ảnh hưởng của luật tục đến quá trình luật pháp hóa một số những nội dung cơ bản của luật tục				X	
	1.4.6	Có kỹ năng, nghiệp vụ về quản lý và xử lý đối với văn bản, con dấu của cơ quan, tổ chức, cũng như quy trình lưu trữ hồ sơ.				X	
	1.4.7	Nắm vững các kiến thức hỗ trợ cho việc nghiên cứu pháp luật chuyên ngành để tăng cường khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp hỗ trợ cho việc nghiên cứu pháp luật chuyên ngành				X	
	1.4.8	Hiểu biết những vấn đề cơ bản về các hệ thuộc luật trên thế giới để nghiên cứu so sánh với pháp luật Việt Nam				X	
2	Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp						
	2.1	Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề					
	2.1.1	Xác định và hình thành vấn đề		X	X	X	X
	2.1.2	Mô hình hóa		X	X	X	X
	2.1.3	Ước lượng và phân tích định tính		X	X	X	X
	2.1.4	Phân tích các yếu tố bất định		X	X	X	X
	2.1.5	Giải pháp và khuyến nghị		X	X	X	X
	2.2	Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá kiến thức					
	2.2.1	Hình thành giả thuyết		X	X	X	X
	2.2.2	Khảo sát qua tài liệu in và thông tin điện tử		X	X	X	X
	2.2.3	Nghiên cứu dùng các phương pháp định lượng và định tính		X	X	X	X
	2.2.4	Kiểm tra và bảo vệ giả thuyết		X	X	X	X
	2.2.5	Khám phá và hình thành lý thuyết		X	X	X	X

	2.3	Tư duy một cách có hệ thống					
	2.3.1	Tư duy toàn cục		X	X	X	X
	2.3.2	Sự nảy sinh và tương tác trong hệ thống		X	X	X	X
	2.3.3	Xác định ưu tiên và tập trung		X	X	X	X
	2.3.4	Dung hòa, đánh giá và cân bằng trong giải quyết		X	X	X	X
	2.3.5	Tư duy phản biện		X	X	X	X
	2.4	Thái độ, cách tư duy và ý thức học tập					
	2.4.1	Sáng kiến, sẵn sàng ra quyết định và chấp nhận rủi ro		X	X	X	X
	2.4.2	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt		X	X	X	X
	2.4.3	Tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức		X	X	X	X
	2.4.4	Học tập và rèn luyện suốt đời		X	X	X	X
	2.4.5	Tự chăm sóc bản thân để thực hành nghề hiệu quả		X	X	X	X
	2.4.6	Quản lý thời gian và nguồn lực		X	X	X	X
	2.5	Các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp (thái độ chuyên nghiệp)					
	2.5.1	Kỹ năng tư vấn luật		X	X	X	X
	2.5.2	Kỹ năng giải quyết tranh chấp		X	X	X	X
	2.5.3	Kỹ năng xác định vụ việc		X	X	X	X
	2.5.4	Kỹ năng áp dụng pháp luật		X	X	X	X
	2.5.5	Các kỹ năng khác		X	X	X	X
	3	Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp					
	3.1	Làm việc nhóm					
	3.1.1	Hình thành nhóm		X	X	X	X
	3.1.2	Hoạt động nhóm		X	X	X	X
	3.1.3	Phát triển nhóm		X	X	X	X
	3.1.4	Lãnh đạo nhóm		X	X	X	X
	3.1.5	Làm việc trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành		X	X	X	X
	3.2	Giao tiếp					
	3.2.1	Chiến lược giao tiếp		X	X	X	X
	3.2.2	Cấu trúc giao tiếp		X	X	X	X
	3.2.3	Giao tiếp thông qua đặt câu hỏi, lắng nghe và đối thoại		X	X	X	X
	3.2.4	Giao tiếp bằng văn bản và đồ họa		X	X	X	X
	3.2.5	Giao tiếp điện tử/đa phương tiện		X	X	X	X
	3.2.6	Thuyết trình		X	X	X	X

	3.2.7	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột		x	x	x	x
	3.2.8	Vận động		x	x	x	x
	3.2.9	Thiết lập các liên kết và mạng đa dạng		x	x	x	x
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ						
	3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh		x	x	x	x
	3.3.2	Giao tiếp bằng ngôn ngữ chuyên ngành luật		x	x	x	x
4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội						
4.1	Bối cảnh xã hội						
	4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của cử nhân luật đối với xã hội		x	x	x	x
	4.1.2	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật		x	x	x	x
	4.1.3	Áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh		x	x	x	x
	4.1.4	Là cầu nối cho quá trình hội nhập quốc tế		x	x	x	x
4.2	Bối cảnh nghề nghiệp						
	4.2.1	Tôn trọng các quy định pháp luật		x	x	x	x
	4.2.2	Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa		x	x	x	x
	4.2.3	Tôn trọng sự thỏa thuận của các chủ thể trong quan hệ pháp luật		x	x	x	x
	4.2.4	Có khả năng áp dụng pháp luật để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất		x	x	x	x
	4.2.5	Làm việc trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp và tự hành nghề		x	x	x	x
	4.2.6	Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề luật..		x	x	x	x
4.3	Hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch, và xây dựng hệ thống						
	4.3.1	Có khả năng phân tích để phát hiện được vấn đề liên quan đến những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống pháp luật, từ đó hình thành thành nên ý tưởng khai thác và giải quyết vấn đề.		x	x	x	x
	4.3.2	Có khả năng vận dụng kiến thức, phân tích thực tiễn để phác thảo một số những quy phạm pháp luật đơn giản, từ đó giải quyết những vướng mắc trong quá trình thi hành và thực hiện pháp luật hình sự		x	x	x	x
	4.3.3	Có khả năng phân tích, đánh giá để lập kế hoạch cho quá trình triển khai các công việc, đề án, dự án nghiên cứu và ứng dụng khoa học pháp lý một cách sáng tạo.		x	x	x	X
4.4	Thiết kế						

	4.4.1	Phù hợp, có hiệu quả, thống nhất trong áp dụng		x	x	x	x
	4.4.2	Đảm bảo các kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn có ảnh hưởng đến kiến thức pháp luật		x	x	x	x
	4.4.3	Đảm bảo hiểu biết và khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ phục vụ cho thực hành nghề nghiệp.		x	x	x	x
	4.4.4	Đảm bảo cân đối các kiến thức bắt buộc và tự chọn; kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành; lý thuyết và thực hành		x	x	x	x
	4.4.5	Đảm bảo cân đối giữa các kiến thức chuyên ngành hẹp		x	x	x	x
	4.4.6	Đảm bảo phù hợp với chương trình đào tạo cử nhân luật của các cơ sở đào tạo luật trong nước		x	x	x	x
	4.4.7	Đảm bảo thiết kế bền vững và các mục tiêu khác...		x	x	x	x
4.5	Triển khai						
	4.5.1	Có khả năng phân tích, đánh giá để xây dựng và triển khai hệ thống giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng dựa trên quy định của nhà nước.		x	x	x	x
	4.5.2	Có khả năng tích hợp các kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực pháp luật và các lĩnh vực khác để triển khai giải quyết các vấn đề liên quan đến quy trình áp dụng pháp luật		x	x	x	x
4.6	Vận hành						
	4.6.1	Có khả năng phân tích, đánh giá điều kiện thực tế để lập kế hoạch quản lý, xây dựng trong quá trình thực hiện và triển khai các quy định của pháp luật vào cuộc sống		X	x	x	x
	4.6.2	Có khả năng phân tích, đánh giá thực tiễn và sáng tạo trong công việc để vận dụng trong việc cải tiến và phát triển hệ thống giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật cải tiến các phương pháp giảng dạy; đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực;		X	x	x	x
	4.6.3	Có khả năng vận dụng kiến thức để hiểu và triển khai các hoạt động hỗ trợ tư vấn pháp lý; củng cố nhân lực trong quá trình thực hiện tư vấn và giải quyết tình huống thực tế phát sinh		X	x	x	x

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo và xét tốt nghiệp hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Đà Lạt

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Đà Lạt.

7. Khung chương trình

Chương trình Luật hình sự và Tố tụng hình sự được thiết kế với khối lượng toàn khóa 131 tín chỉ (không tính số tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh).

Cấu trúc các khối kiến thức cấu tạo nên chương trình đào tạo ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự và khối lượng tín chỉ được phân bố cho các khối kiến thức như sau:

Các khối kiến thức		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
A - Kiến thức giáo dục đại cương		42	32	10
A1	Lý luận chính trị	11	11	0
A2	Giáo dục thể chất	(3)	(3)	(0)
A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(8.5)	(8.5)	(0)
A4	Nhập môn ngành	2	2	0
A5	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0
A6	Khoa học tự nhiên	3	3	0
A7	Khoa học xã hội và nhân văn	24	14	10
B - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		89	60	29
B1	Kiến thức cơ sở	44	44	0
B2	Kiến thức ngành	36	16	20
B3	Kiến thức bổ trợ	9	0	9
Tổng cộng		131	92	39

8. Nội dung chương trình đào tạo

ST T	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BT

		A - KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG GENERAL EDUCATION	42			
		A1 - Lý luận chính trị Political Science	11	11	0	0
1	LC1101	Triết học Mác – Lê nin Philosophy of Marxism-Leninism	3	3	0	0
2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin Political Economy of Marxism-Leninism	2	2	0	0
3	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	2	0	0
4	LC2102	Lịch sử Đảng CSVN History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0
5	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	0
		A2 - Giáo dục thể chất Physical Education	(3)			
5	TC1001	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	1	0	1	0
6	TC1002	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	1	0	1	0
7	TC2003	Giáo dục thể chất 3 Physical Education 3	1	0	1	0
		A3 - Giáo dục quốc phòng và an ninh National Defense and Security Education	(8,5)			
8	QP2001	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 National Defense and Security Education 1	(2)	(2)	(0)	
9	QP2002	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 National Defense and Security Education 2	(2)	(2)	(0)	
10	QP2003	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 National Defense and Security Education 3	(3)	(1)	(2)	
11	QP2004	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 National Defense and Security Education 4	(1,5)	(1)	(0,5)	
		A4 – Nhập môn ngành	2			
12	21LH1105	Nhập môn ngành luật Introduction to Law	2	2	0	0
		A5 – Ngoại ngữ chuyên ngành	2			
13	21LH4106	Tiếng Anh chuyên ngành luật Legal English	2	1,5	0	0,5

		A6 – Khoa học tự nhiên	3			
14	20SH0001	Môi trường và con người (Environment and Man)	3	2	0	1
	A7	KH xã hội và nhân văn	14			
15	21LH1103	Lý luận về nhà nước và pháp luật (Theory of state and law)	3	2	0	1
16	21LH1104	Luật Hiến pháp 1 (Constitutional law I)	2	1,5	0	0,5
17	21LH1203	Luật Hiến pháp 2 (Constitutional law II)	2	1,5	0	0,5
18	21LH1205	Kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật (Drafting techniques for legal documents)	2	1,5	0	0,5
19	21LH1106	Quyền con người trong tư pháp hình sự (Human rights in criminal justice)	2	1,5	0	0,5
20	20LH1204	Luật hành chính (Administrative law)	3	2	0	1
	Phần kiến thức tự chọn		10			
	A7	KH xã hội và nhân văn	10			
		<i>Chọn ít nhất 10 tín chỉ trong danh sách sau</i>				
21	21LH1208	Kỹ năng nghiên cứu và lập luận pháp lý (Research and reasoning skills)	2	1,5	0	0,5
22	21LS1211	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật (History of State and Law)	2	1,5	0	0,5
23	21NV1210	Logic học đại cương (General logic)	2	1,5	0	0,5
24	20LH2212	Phương pháp nghiên cứu Luật học (Research methods for law)	3	2	0	1
25	20XH0001	Xã hội học đại cương (Sociology)	2	1,5	0	0,5
26	21LH1212	Xã hội học pháp luật (Sociology in law)	2	1,5	0	0,5
27	20LH3207	Luật tục (Triple law)	2	1,5	0	0,5
28	21LH2212	Công tác văn thư, lưu trữ (Clerical and archive)	2	1,5	0	0,5

1.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (89 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH	BT
	Phần kiến thức bắt buộc		60			
	B1	Kiến thức cơ sở ngành	44			
	21LH1204	Luật Dân sự 1 (Civil law 1)	2	1,5	0	0,5
2.	21LH2103	Luật Dân sự 2 (Civil law 2)	2	1,5	0	0,5
3.	20LH3104	Luật Ngân hàng (Banking law)	2	1,5	0	0,5
4.	20LH4103	Tội phạm học (Criminology)	2	1,5	0	0,5
5.	20LH1205	Luật Môi trường (Environmental law)	2	1,5	0	0,5
6.	21LH2207	Luật Thương mại 1 (Commercial law 1)	2	1,5	0	0,5
7.	21LH3205	Luật Lao động (Labour law)	2	1,5	0	0,5
8.	20LH2105	Luật Đất đai (Land law)	2	1,5	0	0,5
9.	20LH2106	Luật Hôn nhân và Gia đình (Marriage and family law)	2	1,5	0	0,5
10.	21LH2209	Công pháp quốc tế (International public law)	2	1,5	0	0,5
11.	21LH3102	Tư pháp quốc tế (Private international)	2	1,5	0	0,5
12.	21LH3103	Luật Thương mại 2 (Commercial law 2)	2	1,5	0	0,5
13.	21LH4107	Án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Case law in the Vietnamese legal system)	2	1,5	0	0,5
14.	21LH3106	Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên (Juvenile criminal justice)	2	1,5	0	0,5
15.	21LH3204	Tâm lý học tư pháp (Judicial psychology)	2	1,5	0	0,5
16.	21LH4104	Tâm lý học tội phạm (Criminal psychology)	2	1,5	0	0,5
17.	20LH4105	Luật thi hành án hình sự (Criminal enforcement law)	2	1,5	0	0,5
18.	21LH2104	Những vấn đề chung về luật hình sự và tội phạm (General Criminal Law and crime)	2	1,5	0	0,5
19.	21LH3202	Khoa học điều tra hình sự (Science of criminal	2	1,5	0	0,5

		investigation)				
20.	21LH2107	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Anti-corruption Law)	2	1,5	0	0,5
21.	21LH4101	Luật Tố tụng hành chính (Administrative Procedure Law)	2	1,5	0	0,5
22.	21LH4105	Luật Tố tụng dân sự (Civil Procedure Law)	2	1,5	0	0,5
	B2	Kiến thức ngành	16			
23.	21LH4102	Thủ tục đặc biệt trong Tố tụng hình sự (Special Proceedings Criminal Procedure)	2	1,5	0	0,5
24.	21LH3107	Những vấn đề chung về Luật tố tụng hình sự (General issues of Criminal Procedure Law)	2	1,5	0	0,5
25.	21LH3201	Thủ tục giải quyết các vụ án hình sự (Procedures to solve issue of criminal cases)	2	1,5	0	0,5
26.	21LH2208	Trách nhiệm hình sự và hình phạt (Criminal responsibility and penalty)	2	1,5	0	0,5
27.	21LH3104	Các tội phạm cụ thể (Specific crimes)	4	3	0	1
28.	20LH3204	Thực tập nghề nghiệp (Practicing career)	4	0	4	0
		Phân kiến thức tự chọn	29			
	B2	Kiến thức ngành	20			
		<i>Chọn ít nhất 20 tín chỉ trong danh sách sau</i>				
29.	21LH3112	Khoa học luật hình sự (criminal law science)	2	1,5	0	0,5
30.	20LH4201	Nghề vụ thư ký Tòa án (Court clerk's profession)	2	1,5	0	0,5
31.	20LH4107	Nghề Luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật (Law profession and legal consultancy activities)	2	1,5	0	0,5
32.	21LH3206	Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự (Law on Organization of the Criminal Investigation Agency)	2	1,5	0	0,5
33.	21LH3207	Luật tổ chức TAND và VKSND (Law on organization of courts and procuracies)	2	1,5	0	0,5
34.	21LH3208	Đấu tranh phòng, chống một số tội phạm cụ thể (Prevention	2	1,5	0	0,5

		and control of specific crimes)				
35.	21LH3209	Hệ thống cơ quan tư pháp nước ngoài (Foreign judicial system)	2	1,5	0	0,5
36.	21LH3210	Lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt (Theory of convicting and sentencing)	2	1,5	0	0,5
37.	21LH4111	Tội phạm có tổ chức	2	1,5	0	0,5
38.	20LH4203	Chuyên đề tốt nghiệp (Graduate seminars)	5	0	5	0
39.	20LH4204	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	7	0	7	0
	B3	Kiến thức bổ trợ	9			
40.		<i>Chọn ít nhất 9 tín chỉ trong danh sách sau</i>				
41.	20LH2109	Pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (settlement of complaints and denunciations law)	2	1,5	0	0,5
42.	20LH4104	Luật thi hành án dân sự (Civilian law enforcement)	2	1,5	0	0,5
43.	20LH3208	Quản lý Nhà nước về lâm nghiệp (State management on forestry)	2	1,5	0	0,5
44.	21LH3111	Pháp luật về công chứng, chứng thực (Law on notarization and authentication)	2	1,5	0	0,5
45.	20LH1207	Luật học so sánh (Comparative law)	2	1,5	0	0,5
46.	21LH2213	Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự (Criminal case record research skills)	2	1,5	0	0,5
47.	21LH4108	Kỹ năng tranh tụng trong vụ án hình sự (Litigation skills in criminal cases)	2	1,5	0	0,5
48.	21LH2211	Luật hình sự quốc tế (International Criminal Law)	2	1,5	0	0,5

9.1 Sự phối hợp giữa giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp

HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
Kiến thức giáo dục đại cương							
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
					Thực tập nghề nghiệp		Thực tập TN
							CĐT/N/Khóa luận

9.2 Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

HỌC KỲ I						
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BT
Các học phần bắt buộc			12	9,5	0	2,5
1	TC1001	Giáo dục thể chất 1	(1)		(1)	
2	LC1101	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	0
3	21LH1103	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	2	0	1
4	21LH1104	Luật Hiến pháp 1	2	1,5	0	0,5
5	21LH1105	Nhập môn ngành Luật	2	1,5	0	0,5
6	21LH1106	Quyền con người trong tư pháp hình sự	2	1,5	0	0,5
Tổng số			12	9,5	0	2,5

HỌC KỲ II						
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BT
Các học phần bắt buộc			14	10	0	04
1	TC1002	Giáo dục thể chất 2	(1)		(1)	
2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1,5	0	0,5
3	21LH1203	Luật Hiến pháp 2	2	1,5	0	0,5
4	21LH1204	Luật Dân sự 1	2	1,5	0	0,5
5	21LH1205	Kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật	2	1,5	0	0,5
6	20LH1204	Luật hành chính	3	2	0	1
7	20SH0001	Môi trường và con người	3	2	0	1
Chọn ít nhất 06 tín chỉ trong danh sách sau			06			
8	21LH1208	Kỹ năng nghiên cứu và lập luận	2	1,5	0	0,5

		pháp lý				
9	20XH0001	Xã hội học đại cương	2	1,5	0	0,5
10	21NV1210	Logic học đại cương	2	1,5	0	0,5
11	21LS1211	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	2	1,5	0	0,5
12	21LH1212	Xã hội học pháp luật	2	1,5	0	0,5
Tổng cộng			20			

HỌC KỲ III

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BT
Các học phần bắt buộc			12	09	0	03
1	TC2003	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(0)
2	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0	0,5
3	21LH2103	Luật Dân sự 2	2	1,5	0	0,5
4	21LH2104	Những vấn đề chung về luật hình sự và tội phạm	2	1,5	0	0,5
5	20LH2105	Luật Đất đai	2	1,5	0	0,5
6	20LH2106	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	1,5	0	0,5
7	21LH2107	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	1,5	0	0,5
Chọn ít nhất 02 tín chỉ trong danh sách sau			02			
8	20LH2212	Phương pháp nghiên cứu Luật học	3	2	0	1
9	20LH3207	Luật tục	2	1,5	0	0,5
Tổng cộng			14			

HỌC KỲ IV

ST T	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BT
Các học phần bắt buộc			12	9,5	0	2,5

1	LC2102	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0	0
2	QP2001	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	(2)	2	0	0
3	QP2002	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	(2)	2	0	0
4	QP2003	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3	(3)	1	2	0
5	QP2004	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4	(1.5)	1	0.5	0
6	20LH1205	Luật môi trường	2	1,5	0	0,5
7	21LH2207	Luật Thương mại 1	2	1,5	0	0,5
8	21LH2208	Trách nhiệm hình sự và hình phạt	2	1,5	0	0,5
9	21LH2209	Công pháp quốc tế	2	1,5	0	0,5
10	20LH3104	Luật Ngân hàng	2	1,5	0	0,5
Chọn ít nhất 06 tín chỉ trong danh sách sau			06			
11	21LH2211	Luật hình sự quốc tế	2	1,5	0	0,5
12	21LH2212	Công tác văn thư, lưu trữ	2	1,5	0	0,5
13	21LH2213	Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự	2	1,5	0	0,5
14	20LH2109	Pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	2	1,5	0	0,5
Tổng cộng			18			

HỌC KỲ V						
ST T	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BT
Các học phần bắt buộc			16	12	0	04
1	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,5	0	0,5
2	21LH3102	Tư pháp quốc tế	2	1,5	0	0,5
3	21LH3103	Luật Thương mại 2	2	1,5	0	0,5
4	21LH3104	Các tội phạm cụ thể	4	3	0	1
5	20LH4103	Tội phạm học	2	1,5	0	0,5
6	21LH3106	Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên	2	1,5	0	0,5
7	21LH3107	Những vấn đề chung về luật tố tụng hình sự	2	1,5	0	0,5

Chọn ít nhất 04 tín chỉ trong danh sách sau			4			
8	20LH1207	Luật học so sánh	2	1,5	0	0,5
9	20LH4104	Luật thi hành án dân sự	2	1,5	0	0,5
10	20LH3208	Quản lý Nhà nước về lâm nghiệp	2	1,5	0	0,5
11	21LH3111	Pháp luật về công chứng, chứng thực	2	1,5	0	0,5
12	21LH3112	Khoa học Luật hình sự	2	1,5	0	0,5
Tổng cộng			20			

HỌC KỶ VI

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BT
Các học phần bắt buộc			12	06	04	02
1	21LH3201	Thủ tục giải quyết các vụ án hình sự	2	1,5	0	0,5
2	21LH3202	Khoa học điều tra hình sự	2	1,5	0	0,5
3	20LH3204	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	0
4	21LH3204	Tâm lý học tư pháp	2	1,5	0	0,5
5	21LH3205	Luật Lao động	2	1,5	0	0,5
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			5			
6	21LH3206	Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự	2	1,5	0	0,5
7	21LH3207	Luật tổ chức TAND và VKSND	2	1,5	0	0,5
8	21LH3208	Đấu tranh phòng, chống một số tội phạm cụ thể	2	1,5	0	0,5
9	21LH3209	Hệ thống cơ quan tư pháp nước ngoài	2	1,5	0	0,5
10	21LH3210	Lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt	2	1,5	0	0,5
Tổng cộng			17			

HỌC KỶ VII

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BT
Các học phần bắt buộc			14	10,5	0	3,5
1	21LH4101	Luật Tổ tụng hành chính	2	1,5	0	0,5

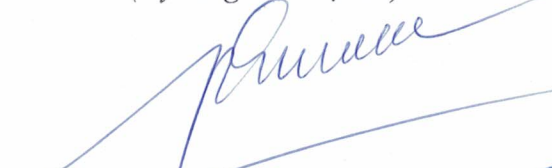
2	21LH4102	Thủ tục đặc biệt trong Tố tụng hình sự	2	1,5	0	0,5
3	20LH4105	Luật thi hành án hình sự	2	1,5	0	0,5
4	21LH4104	Tâm lý học tội phạm	2	1,5	0	0,5
5	21LH4105	Luật Tố tụng dân sự	2	1,5	0	0,5
6	21LH4106	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	2	1,5	0	0,5
7	21LH4107	Án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	1,5	0	0,5
Chọn ít nhất 04 tín chỉ trong danh sách sau			4			
8	21LH4108	Kỹ năng tranh tụng trong vụ án hình sự	2	1,5	0	0,5
9	20LH4107	Nghề Luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật	2	1,5	0	0,5
10	20LH4201	Nghiệp vụ thư ký Tòa án	2	1,5	0	0,5
11	21LH4111	Tội phạm có tổ chức	2	1,5	0	0,5
Tổng cộng			18			

HỌC KỲ VIII						
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		
				LT	TH	BB
Chọn ít nhất 05 tín chỉ trong danh sách sau			5			
1	20LH4203	Chuyên đề tốt nghiệp	5	0	5	
2	20LH4204	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7	
Tổng cộng			7			

10. Hướng dẫn thực hiện: Chương trình đào tạo ngành Luật Hình sự và Tố tụng hình sự được xây dựng dựa trên Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ của trường Đại học Đà Lạt, sự tham khảo các chương trình đào tạo ngành luật trong nước và quốc tế và qui trình xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra CDIO. Chương trình được thiết kế ứng với thời gian đào tạo là 4 năm và thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ. Nội dung chương trình bao gồm phần kiến thức Giáo dục đại cương và phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp. Để hoàn thành chương trình này người học cần tích lũy tổng cộng tối thiểu cho toàn bộ chương trình không tính phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 131 tín chỉ, trong đó số tín chỉ dành cho các học phần bắt buộc là 91 tín chỉ và số tín chỉ tối thiểu dành cho các học phần tự chọn là 40 tín chỉ. Trong phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp, ở phần kiến thức cơ sở sinh viên được trang bị các học phần lý luận nền tảng về Luật Hình sự và Tố tụng hình sự, ở phần kiến thức ngành sinh viên được trang bị các học phần liên quan đến thực hành Luật Hình sự và Tố tụng hình sự. Phần tự chọn trong kiến thức ngành khá phong phú, sinh viên có thể chọn lựa những học phần mà mình quan tâm và yêu thích. Đó có thể là những học phần đi sâu vào các ngành Luật chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau như pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, pháp luật kinh tế, pháp luật hành chính, pháp luật quốc tế. Cuối cùng ở phần kiến thức bổ trợ, sinh viên được trang bị thêm một số học phần mang tính đặc thù địa phương như Pháp luật du lịch, Quản lý nhà nước về lâm nghiệp; bên cạnh đó còn có những học phần mang tính thực hành nghề nghiệp như Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật, Nghiệp vụ thư ký Tòa án, ... Trong quá trình học tập, bên cạnh việc học các học phần tại trường sinh viên cần phải hoàn thành học phần Thực tập nghề nghiệp. Học phần này cung cấp cơ hội cho sinh viên áp dụng những gì mình đã học vào trong thực tế, qua đó góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp Luật Hình sự và Tố tụng hình sự. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ nhận được sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của các giảng viên hướng dẫn thực tập. Đối với những sinh viên có học lực khá, giỏi có thể chọn học phần Khóa luận. Với học phần này, sinh viên có cơ hội thực hành nghiên cứu Luật Hình sự và Tố tụng hình sự với một quy mô và phạm vi vừa phải, phù hợp ở mức độ Cử nhân, dưới sự hướng dẫn trực tiếp của một giảng viên được phân công. Thông qua việc làm Khóa luận, sinh viên phát triển được khả năng tư duy phân tích, tổng hợp cũng như các kỹ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề. Nếu không chọn học phần Khóa luận, sinh viên có thể chọn học phần Chuyên đề tốt nghiệp. Với học phần này, sinh viên phải thực tập tại một cơ quan thực hành nghề luật, viết báo cáo chuyên đề trên cơ sở hướng dẫn của cán bộ nơi thực tập và giảng viên được phân công. Chương trình đào tạo ngành Luật Hình sự và Tố tụng hình sự được thiết kế theo phương pháp xây dựng chương trình theo chuẩn đầu ra, đồng thời theo hướng cân đối giữa lý thuyết và thực hành, chú trọng phát triển hài hòa cả ba mặt gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Qua đó chương trình khi được thực hiện sẽ giúp sinh viên hình thành các năng lực nghề nghiệp mà xã hội yêu cầu. Chương trình cũng được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học. Về điều kiện tốt nghiệp, sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Luật Hình sự và Tố tụng hình sự sau khi tích lũy tối thiểu 131 tín chỉ, trong đó tích lũy đầy đủ số tín chỉ cho các học phần từ các khối kiến thức Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp, và có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh, đồng thời đạt các chuẩn Ngoại ngữ và Tin học theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của trường Đại học Đà Lạt./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Hoàng Hoa

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký và ghi rõ họ tên)




Lê Minh Chiến